

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5680** /BTC-CLCS

Hà Nội, ngày **06** tháng 5 năm 2026

V/v hướng dẫn rà soát và đề xuất  
hoàn thiện VBQPPL bảo đảm phù  
hợp với chủ trương, đường lối của  
Đảng về phát triển kinh tế nhà nước

Kính gửi:

**HOẢ-TỐC** →

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai Kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ được giao và theo hướng dẫn tại các văn bản gồm:

1. Nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL giao tại Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 về Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL (gọi tắt là Quyết định số 05/QĐ-BCĐ);

2. Nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 22/QĐ-BCĐRSTCTHXLVMHTPL ngày 16/3/2026 của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật về Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật (gọi tắt là Quyết định số 22/QĐ-BCĐRSTCTHXLVMHTPL);

3. Trên cơ sở Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL (gọi tắt là Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ);

4. Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 2511/BTP-KTVB-TCTHPL ngày 17/4/2026 (gọi tắt là Công văn số 2511/BTP-KTVB-TCTHPL);

Theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế nhà nước (Hướng dẫn gửi kèm theo Công văn này).

Đối tượng, phạm vi rà soát, trách nhiệm rà soát, báo cáo kết quả rà soát, thời hạn gửi báo cáo kết quả rà soát và các nội dung khác, đề nghị thực hiện thống

nhất theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ, Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ và Công văn số 2511/BTP-KTVB-TCTHPL.

Thông tin liên hệ: Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính, Bộ Tài chính (Điện thoại: 0904925089, email: [nguyenthichinh@mof.gov.vn](mailto:nguyenthichinh@mof.gov.vn)).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Viện CLCS (60 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**

## Phụ lục

# HƯỚNG DẪN RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 5680 /BTC-CLCS ngày 06 tháng 5 năm 2026)

## I. CÁCH THỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ rà soát, đánh giá sự phù hợp VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KTNN là **một trong các tiêu chí thành phần thuộc Tiêu chí 1** trong bộ 6 tiêu chí cơ bản của nhiệm vụ tổng rà soát VBQPPL.

2. Căn cứ theo Tiêu chí 1 tại tiêu mục 4.1, phần VI của Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ, các bước thực hiện cụ thể như sau:

**Bước 1:** Đối chiếu VBQPPL được rà soát với các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản.

Lưu ý: Việc rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng cần bám sát các văn bản thuộc mục II Hướng dẫn này.

**Bước 2:** Xác định và phân tích cụ thể các quy định tại các VBQPPL hiện hành theo các vấn đề sau:

- Đường lối, chủ trương của Đảng chưa được thể chế đầy đủ, toàn diện (tại thời điểm ban hành VBQPPL được rà soát) hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa hiệu quả trên thực tiễn.

- Nội dung, quy định của VBQPPL hiện hành không còn phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng về phát triển KTNN.

- Vấn đề mới theo đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển KTNN cần thể chế hóa bằng các quy định pháp luật.

- Nội dung các văn bản của Đảng cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

**Bước 3:** Đề xuất, kiến nghị:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển KTNN. Trong trường hợp chưa xử lý được theo các hình thức nêu trên thì đề xuất nội dung quy định, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản cấp Trung ương), trong đó nêu rõ hình thức văn bản xử lý.

- Đề xuất các đường lối, chủ trương của Đảng liên quan tới phát triển KTNN cần tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

**Bước 4:** Tổng hợp kết quả rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL bảo đảm phù hợp với chủ trương về phát triển KTNN vào Báo cáo của cơ quan, bộ, ngành, địa phương về kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL gửi Bộ Tư pháp qua Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL. Hình thức, thời hạn, cách thức báo cáo cụ thể thực hiện thống nhất theo Kế hoạch triển khai tổng rà soát VBQPPL ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ, Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ và Công văn số 2511/BTP-KTVB-TCTHPL), **KHÔNG** gửi báo cáo riêng cho Bộ Tài chính.

## **II. CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ TRƯỞNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC LÀM CĂN CỨ RÀ SOÁT**

Danh mục dưới đây được xây dựng trên cơ sở tổng hợp, hệ thống các văn kiện, nghị quyết, kết luận, chỉ thị có liên quan đến chủ trương phát triển KTNN, nhằm định hướng, gợi ý cho quá trình rà soát; **không giới hạn phạm vi áp dụng:**

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chương trình hành động của Ban chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng...).

2. Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

3. Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”.

4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

6. Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

7. Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Và các nghị quyết, kết luận khác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan tới nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cơ quan, bộ ngành, địa phương **chủ động cập nhật, bổ sung** các văn bản có liên quan khác theo yêu cầu thực tiễn và

chỉ đạo của cấp có thẩm quyền ngoài các văn bản nêu trên như: Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các nghị quyết, quy định, kết luận, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư... về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp có liên quan đến phát triển KTNN.

### **III. CÁC NỘI DUNG, ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NƯỚC CẦN ĐƯỢC NGHIÊN CỨU ĐỂ THỂ CHẾ HÓA THÀNH PHÁP LUẬT, LÀM CƠ SỞ ĐỂ CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN VIỆC RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VBQPPL**

Để bảo đảm việc rà soát, đối chiếu và đề xuất phương án xử lý VBQPPL được thực hiện thống nhất, đồng bộ, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, các cơ quan, bộ ngành, địa phương cần tập trung nghiên cứu, quán triệt đầy đủ các yêu cầu, định hướng lớn của Đảng về phát triển KTNN, đặc biệt là các nội dung có tính chất chỉ đạo, định hướng chính sách cần được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật.

Các nội dung nêu dưới đây được xác định trên cơ sở tổng hợp từ các văn kiện, nghị quyết, chương trình hành động và kết luận của Đảng, có ý nghĩa định hướng trực tiếp cho công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phát triển KTNN; đồng thời là căn cứ để các cơ quan, bộ, ngành, địa phương tổ chức rà soát, đối chiếu và đề xuất phương án xử lý VBQPPL. Các nội dung này chỉ **mang tính chất gợi ý, định hướng**; trong quá trình triển khai, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cập nhật, bổ sung các nội dung liên quan khác theo yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền:

#### **1. Nhiệm vụ, giải pháp chung**

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính

tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất của Nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Có chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi. Thiết lập quy trình xem xét độc lập, toàn diện và minh bạch để đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật nhằm xử lý đúng người, đúng tội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó, dữ liệu về chủ thể và các nguồn lực của kinh tế nhà nước được chuẩn hoá, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; khai thác, sử dụng dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trên nền tảng số, bảo đảm thống nhất với lộ trình kế hoạch chuyển đổi số tại các bộ, cơ quan, địa phương và doanh nghiệp. Có các giải pháp cụ thể đẩy nhanh việc xử lý các dự án, công trình tồn đọng kéo dài nhằm khơi thông và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực.

## **2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

### **2.1. Đối với đất đai và tài nguyên**

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về đất đai và tài nguyên; phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng. Xây dựng thể chế để huy động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai, biển, đảo, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển.

Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý đất đai, trước mắt trong năm 2026 hoàn thành việc xây dựng và ban hành Luật Đất đai sửa đổi và các văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đất đai, khơi thông nguồn lực từ đất đai. Có cơ chế, chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội.

- Áp dụng công cụ kinh tế, tài chính để tạo cơ chế hạch toán và chia sẻ lợi ích trong quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, công bằng, bền vững, nâng cao giá trị của tài nguyên nước.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy việc tiếp cận, tiến tới làm chủ công nghệ khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản, nhất là những loại khoáng sản chiến lược cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài nhằm thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản trong nước chưa có hoặc trữ lượng hạn chế.

- Có cơ chế quản lý tập trung, liên ngành, bảo đảm khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên biển, đảo.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác và bảo vệ vùng trời, khu nhận diện phòng không; hiện đại hoá hệ thống quản lý bay, bảo đảm an toàn, an ninh không phận. Ban hành cơ chế vượt trội, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, triển khai các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để thúc đẩy phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp, ngành công nghiệp hàng không, vũ trụ.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm. Đẩy mạnh công tác quy hoạch tích hợp không gian ngầm với quy hoạch đô thị và hạ tầng; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số hoá không gian ngầm thống nhất, hiện đại. Khuyến khích các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác công trình ngầm; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến.

- Hoàn thiện đồng bộ khung pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên số và tài nguyên viễn thông để phát triển thị trường dữ liệu, sản phẩm dịch vụ dữ liệu và kinh tế dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công tư trong phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số tiên tiến. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh đối với hoạt động phát triển kinh tế số.

## **2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng**

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn, đồng bộ, hiện đại, vượt trước, đón đầu xu thế phát triển và dịch chuyển của các ngành kinh tế trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu, gia tăng khả năng chống chịu các hình thái thời tiết cực đoan. Bảo đảm quy hoạch đồng bộ, liên kết, đa ngành, đa mục tiêu nhằm khai thác hiệu quả và tận dụng tối đa chức năng của các loại hình kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như "đầu tư công - quản trị tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

- Khẩn trương bổ sung khung pháp lý về quản lý, khai thác, sử dụng đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các khu công nghiệp, công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu trung tâm tài chính quốc tế,... do Nhà nước đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân

sách cùng tham gia trên cơ sở bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí.

**2.3. Đối với ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống**

*a) Ngân sách nhà nước*

- Đổi mới quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đặt trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngân sách.

- Chủ động nghiên cứu và xây dựng lộ trình phù hợp để triển khai các loại thuế mới liên quan đến tài sản, mức phát thải carbon, ... bảo đảm bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng tính bền vững cơ cấu nguồn thu, nâng cao tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thu; hiện đại hoá quy trình, công tác quản lý thu, giảm tối đa chi phí tuân thủ; có chính sách tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trên cơ sở củng cố vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng tính chủ động và tự chủ cho ngân sách địa phương; phân cấp các nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp quyền lợi và trách nhiệm của từng cấp, bảo đảm nguyên tắc cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho ngân sách cấp đó thực hiện.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật quản lý đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công.

- Hạn chế tối đa việc quy định cụ thể tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (trừ những ngành, lĩnh vực có quy định riêng theo các nghị quyết của Đảng) nhằm bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả trong phân bổ, bố trí nguồn ngân sách nhà nước, phù hợp với các ưu tiên chính sách trong từng năm, từng giai đoạn cụ thể.

*b) Dự trữ quốc gia*

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế dự trữ quốc gia bảo đảm đồng bộ; tích hợp định hướng yêu cầu duy trì nguồn lực dự trữ quốc gia trong các chiến lược về quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Rà soát danh mục hàng hoá, củng cố hệ thống kho tàng, tăng cường đầu tư, cải cách quy trình, thủ tục xuất cấp để dự trữ quốc gia thực sự trở thành nguồn

lực dự trữ chiến lược, cho phép Nhà nước có đủ năng lực can thiệp, điều tiết, cứu trợ, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, nhanh chóng ổn định đời sống người dân, đáp ứng yêu cầu cấp bách quốc phòng, góp phần thực hiện an sinh xã hội, duy trì ổn định thị trường, trật tự, an toàn xã hội, tham gia triển khai các hoạt động cứu trợ nước ngoài, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống kho tàng, hạ tầng bảo quản, ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia thông minh. Nghiên cứu cơ chế đầu tư kho, bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo phương thức hợp tác công tư.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù trong mua, bán, nhập, xuất, chuyển đổi mục đích, luân chuyển hàng dự trữ quốc gia để chủ động, linh hoạt, kịp thời, bảo đảm yêu cầu trong mọi tình huống. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia một số hoạt động dự trữ quốc gia theo nguyên tắc thị trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực dự trữ quốc gia của các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; nghiên cứu cơ chế chia sẻ nguồn lực cần thiết, nhất là qua cơ chế dự trữ khu vực ASEAN, ASEAN+3,... để tăng tính kịp thời, chủ động, hiệu quả trong xử lý các tình huống khẩn cấp.

*c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*

- Tiếp tục hoàn thiện khung thể chế, tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Rà soát, sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mối để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng các quỹ; đẩy mạnh số hoá, công khai thông tin và kết quả hoạt động. Tăng cường cơ chế uỷ thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức ngân hàng, công ty tài chính chuyên nghiệp; các cơ quan nhà nước chỉ tập trung xây dựng tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn từ quỹ. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hoá và giảm phụ thuộc vào ngân sách.

- Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

*d) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống*

Chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước

tại doanh nghiệp (tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

#### **2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước**

*a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội*

- Tập trung đầu tư, phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế như: Quốc phòng, an ninh; năng lượng; vận tải, logistics; tài chính - ngân hàng; khoa học - công nghệ, điện tử - viễn thông, hạ tầng số; khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược; hoá chất; xây dựng, vật liệu xây dựng; nông, lâm nghiệp; ...

Có chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn thông qua tăng vốn điều lệ, bao gồm: Cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tăng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp; rà soát, đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng. Khuyến khích hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao các doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của ngành kinh tế.

Đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp, Nhà nước có chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp khác trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các doanh nghiệp, nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực xã hội, tránh chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm lợi ích hài hoà, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn lực để chủ động dẫn dắt, kích hoạt và huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, tạo sức lan toả và hiệu ứng cộng hưởng trong phát triển kinh tế.

*b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững*

- Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các tập đoàn, tổng công ty phải xây dựng, hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, phòng thí nghiệm để tiên phong thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và tăng sức cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và đồng hành với các

chủ thể kinh tế khác triển khai chuyển đổi số. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí thải nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn sử dụng nguyên liệu đầu vào là thành phần gây ảnh hưởng môi trường.

- Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển. Nhà nước có cơ chế đặt hàng đối với các sản phẩm công nghệ do các doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, chế tạo, có chất lượng tương đương hàng nhập khẩu, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực tiếp tục hoàn thiện, phát triển sản phẩm.

- Doanh nghiệp nhà nước được quyết định sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm. Có cơ chế cho phép các doanh nghiệp nhà nước tự hình thành hoặc liên kết với Nhà nước và các doanh nghiệp khác hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước tham gia mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và thương vụ mua bán, sáp nhập gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ.

*c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp*

- Hoàn thiện quy định xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; cơ chế giám sát hoạt động, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, các chức danh quản lý tại doanh nghiệp gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, tăng cường phân công, phân cấp.

- Thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích. Kiên quyết thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong việc thu hút nguồn lực chất lượng cao. Xây dựng cơ chế thưởng tại doanh nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình thành quỹ cổ

phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước. Thí điểm cơ chế đặc thù về thuê, tuyển dụng, bổ nhiệm giám đốc/tổng giám đốc tại một số doanh nghiệp nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ lợi thế, các nguồn lực Nhà nước giao thông qua các chỉ số hiệu quả tài chính, phi tài chính được lượng hoá, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Khẩn trương rà soát, xử lý các dự án đầu tư yếu kém, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, xác định rõ và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, tạo điều kiện để doanh nghiệp phá sản hoặc tiếp tục tái cơ cấu, hoạt động lành mạnh trở lại, tránh để kéo dài gây lãng phí, thất thoát tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu đổi mới hoàn thiện mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu, mô hình Hội đồng thành viên bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ.

*d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước*

- Tập trung cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước một cách thực chất, hiệu quả, giảm đầu mối, tăng quy mô nhằm thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới; khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực doanh nghiệp có lợi thế so sánh, nhu cầu thị trường lớn, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống và phát triển thị trường mới để hình thành các tập đoàn đa quốc gia. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường ra nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy hợp tác chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hoá để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, thu hút thêm sự tham gia từ các khu vực kinh tế khác nhằm tăng cường năng lực quản trị, cải thiện công nghệ, nguồn lực tài chính để doanh nghiệp phát triển sau cổ phần hoá. Việc cổ phần hoá phải bảo đảm không ảnh hưởng đến kiểm soát của Nhà nước trong những lĩnh vực then chốt, chiến lược, không làm mất đi các thương hiệu quốc gia có uy tín và không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì có cơ chế, lộ trình phù hợp nhằm: (i) Sáp nhập với các doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, tăng quy mô, hiệu quả hoạt động. (ii)

Chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trung ương hoặc địa phương để rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại để có giải pháp cơ cấu lại vốn phù hợp. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải dựa trên các tiêu chí công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật theo nguyên tắc Nhà nước làm những gì mà tư nhân không làm hoặc không có khả năng làm, những gì tư nhân làm được thì Nhà nước phải làm tốt hơn; các thương hiệu quốc gia có uy tín phải tiếp tục được đầu tư để hoạt động hiệu quả hơn.

- Tái cơ cấu toàn diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) theo hướng kinh doanh vốn chuyên nghiệp, tiến tới hình thành Quỹ đầu tư quốc gia. Tập trung nguồn lực từ cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp và các nguồn lực nhà nước giao khác để: (i) Đầu tư phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, các doanh nghiệp có hiệu quả cao. (ii) Đầu tư vào dự án trong các ngành, lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, có tính chất quan trọng đối với nền kinh tế. (iii) Triển khai đầu tư trực tiếp và hỗ trợ các nguồn lực để doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài; thực hiện mua bán, sáp nhập để tiếp cận các công nghệ mới, công nghệ lõi, công nghệ và công nghiệp chiến lược hoặc vì mục tiêu lợi nhuận cao. Có cơ chế giám sát độc lập đối với quá trình chuyển giao và quản lý vốn của SCIC tại các doanh nghiệp, bảo đảm việc cơ cấu lại doanh nghiệp, đầu tư vốn được thực hiện một cách hiệu quả, đúng giá thị trường và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, đặc biệt là tái cơ cấu về tài chính, xử lý nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại theo cơ chế thị trường.

### **2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước**

- Áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, nâng cao năng lực quản lý rủi ro; bảo đảm minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số toàn diện cho tổ chức tín dụng nhà nước; số hoá dịch vụ, dữ liệu, quản lý vốn theo thời gian thực; phát triển các dịch vụ ngân hàng số, mở rộng cung cấp sản phẩm tài chính trực tuyến đến mọi vùng miền của cả nước.

- Tổ chức, sắp xếp mạng lưới ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tiếp tục tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao năng lực tài chính, tỉ lệ an toàn vốn và hiệu quả hoạt động.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Ngân hàng chính sách xã hội; cơ cấu lại toàn diện Ngân hàng phát triển Việt Nam nhằm đa dạng hoá nguồn lực, tăng vốn, tinh gọn, hiệu quả, phát huy sức mạnh Nhà nước trong đầu tư và an sinh xã hội, gắn nhiệm vụ chính sách với phát triển kinh tế - xã hội; tập trung vào các ngành, lĩnh vực, hạ tầng quan trọng, địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## **2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập**

- Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục chuyển mạnh từ cấp trực tiếp kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, gắn với cơ chế kiểm soát; đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí với lộ trình phù hợp khả năng chi trả người dân và cân đối ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh.

- Khuyến khích tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công có khả năng cạnh tranh; chú trọng cơ chế hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ trên cơ sở bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trong những ngành, lĩnh vực phù hợp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tối thiểu chi thường xuyên trở lên được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tập trung đầu tư phát triển đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập quan trọng có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, ngành công nghệ chiến lược.

- Có cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động và minh bạch của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghiên cứu thực hiện mô hình quản trị và điều hành đơn vị sự nghiệp công lập theo tiêu chuẩn, chuẩn mực tiên tiến, hiện đại, minh bạch gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Thí điểm thành lập bộ phận có chức năng tư vấn chuyên sâu trong các đơn vị có quy mô lớn và thực hiện việc thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng trong đơn vị theo quy định.

- Đẩy mạnh kiểm định, đánh giá độc lập và công khai kết quả chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chuẩn, tiêu chí do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành. Hoàn thiện tiêu chí xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Ứng dụng công nghệ số để người dân trực

tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công.

#### **IV. ĐẦU MỐI HƯỚNG DẪN, XỬ LÝ VƯỚNG MẮC**

##### **1. Đầu mối hướng dẫn, xử lý vướng mắc về nội dung rà soát liên quan đến đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nhà nước**

Đ/c Nguyễn Thị Chinh - Chuyên viên, Ban Phát triển doanh nghiệp và Môi trường kinh doanh, Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính, Bộ Tài chính; Điện thoại: 090.492.5089; Email: [nguyenthichinh@mof.gov.vn](mailto:nguyenthichinh@mof.gov.vn).

##### **2. Đầu mối, hướng dẫn xử lý vướng mắc về cách thức thực hiện rà soát và gửi báo cáo**

a) Hỗ trợ kỹ thuật báo cáo trực tuyến: Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp (Phòng Chuyên đổi số, số điện thoại: 024.62.739.716).

b) Hỗ trợ nội dung xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát: Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp (Phòng Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản khối Nội chính, số điện thoại: 024.62.739.658, thư điện tử: [TongrasoatVB@moj.gov.vn](mailto:TongrasoatVB@moj.gov.vn)).